

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1529** /UBND-SX

Phú Riềng, ngày **17** tháng **11** năm 2020

V/v công bố công khai điều chỉnh kế hoạch
sử dụng đất năm 2020 huyện Phú Riềng.

Kính gửi:

- Các phòng, ban chuyên môn;
- Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- UBND các xã.

Căn cứ Điều 48, Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước,

Chủ tịch UBND huyện giao các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. UBND các xã:

- Công bố, niêm yết công khai Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước tại Trụ sở UBND các xã.

- Triển khai thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Phú Riềng theo đúng quy định.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin: Thông báo Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Bình Phước trên hệ thống truyền thanh của huyện để nhân dân được biết.

3. Văn phòng Huyện ủy: Đăng tải Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Bình Phước trên Trang thông tin điện tử của huyện.

(Gửi kèm: Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Bình Phước)

Nhận được Công văn này, yêu cầu các đơn vị nêu trên nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng TNMT (3b);
- Chi cục Thuế khu vực;
- Đăng Website huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Th

CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Lê Văn Chung



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Số 2649 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 22 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1676/QĐ-UBND
ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 1005/TTg-NN ngày 30/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp và đất ở đô thị;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua danh mục bổ sung và điều chỉnh tên các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 660/TTr-STNMT ngày 25/9/2020, Công văn số 2602/STNMT-CCQLDD ngày 19/10/2020 và UBND huyện Phú Riềng tại Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 31/8/2020, Công văn số 1358/UBND-KT ngày 15/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

(Chi tiết tại bảng 01 kèm theo)



2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

(Chi tiết tại bảng 02 kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

(Chi tiết tại bảng 03 kèm theo)

* Lý do điều chỉnh: Huyện Phú Riềng đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 tại Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/7/2020. Tuy nhiên, sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Phú Riềng được phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chi tiêu sử dụng đất khu công nghiệp và đất ở đô thị tại Công văn số 1005/TTg-NN ngày 30/7/2020 và UBND tỉnh phân bổ chi tiêu đất khu công nghiệp và đất ở tại Công văn số 2731/UBND-KT ngày 07/8/2020 thì một số chi tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Phú Riềng có thay đổi. Do đó, cần phải Điều chỉnh Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 cho phù hợp.

Điều 2. Bổ sung trách nhiệm của UBND huyện Phú Riềng tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước như sau:

Chịu trách nhiệm việc cho phép chuyển mục đích sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, thẩm định kỹ để đảm bảo các điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch của địa phương, đảm bảo chi tiêu được duyệt và các điều kiện khác theo quy định; không giải quyết các trường hợp có tên trong danh sách phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất nếu không đảm bảo các điều kiện trên và các quy định có liên quan.

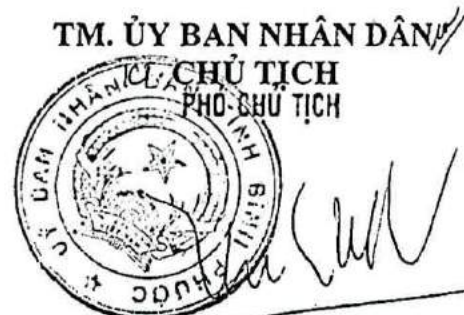
Điều 3. Các nội dung khác tại Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước không thay đổi.

Điều 4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

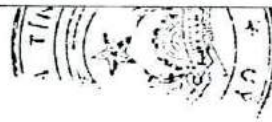
Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND huyện Phú Riềng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT.



Trần Văn Minh



Bảng 01. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2020 của huyện Phú Riềng
(Kèm theo Quyết định số 2649 /QĐ-UBND ngày 22 /10 /2020 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (xã)									
			Bình Sơn	Bình Tân	Bù Nho	Long Bình	Long Hà	Long Hưng	Long Tân	Phú Riềng	Phú Trung	Phước Tân
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)		67.465,21	2.519,67	5.289,12	3.939,84	9.486,36	9.382,70	4.338,17	7.462,92	7.787,75	4.983,40	12.275,28
1	Đất nông nghiệp	61.093,44	2.374,51	4.950,11	3.185,17	8.608,73	8.797,42	3.924,21	6.881,66	7.001,57	4.722,48	10.682,78
1.1	Đất trồng lúa	73,54	-	-	-	18,98	41,74	6,6	3,59	-	-	2,64
	- Đất chuyên trồng lúa nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	273,63	-	46,4	66,28	6,88	25,29	35,37	10,07	11,3	14,99	57,05
1.3	Đất trồng cây lâu năm	60.263,43	2.374,51	4.903,71	3.077,93	8.565,54	8.522,07	3.765,43	6.797,67	6.963,95	4.704,86	10.622,95
1.4	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	346,79	-	-	40,96	15,09	104,1	116,82	40,89	26,31	2,62	-
1.8	Đất làm muối	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	136,05	-	-	-	2,24	104,22	-	29,44	-	-	0,15
2	Đất phi nông nghiệp	6.371,77	145,15	339,01	754,68	877,64	585,29	413,96	581,26	786,17	260,92	1.592,49
2.1	Đất quốc phòng	34,99	-	-	4,99	-	-	-	30	-	-	-
2.2	Đất an ninh	9,11	-	-	8,71	-	-	0,4	-	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	30	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	58,15	1,05	3,96	12,61	4,94	14,39	7,02	3,68	6,91	1,7	1,87
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	244,42	1,72	21,03	91,83	1,29	12,79	77,66	6,67	17,77	0,06	13,61
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.103,14	59,84	115,95	244,58	630,75	177,74	112,51	187,34	150,31	92,2	1.331,93
	- Đất văn hóa	4,7	0,13	-	1,66	-	-	-	-	2,7	0,06	0,15
	- Đất y tế	5,29	0,3	0,11	0,56	0,32	0,52	0,34	0,34	2,18	0,31	0,3
	- Đất giáo dục đào tạo	47,19	3,82	2,41	11,59	3,12	7,08	3,81	3,17	4,95	3,27	3,97

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (xã)									
			Bình Sơn	Bình Tân	Bù Nho	Long Bình	Long Hà	Long Hưng	Long Tân	Phú Riêng	Phú Trung	Phước Tân
	- Đất thể dục thể thao	14,3	0,07	3,15	0,64	0,2	0,83	1,63	2,37	2,82	-	2,59
2.10	Đất di tích lịch sử - văn hóa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải xử lý chất thải	15,01	-	-	2,67	-	0,57	-	10	1,77	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	836,05	51,06	74,9	219,82	75,92	77,57	73,02	55,68	133,36	29,31	45,4
2.14	Đất ở tại đô thị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	25,3	0,62	0,45	19,22	0,42	0,4	1,17	0,5	1,33	0,26	0,94
2.16	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	1,54	-	-	1,28	-	0,25	-	-	-	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	14,58	4,35	1,29	1,55	0,29	1,1	0,47	0,98	1,6	0,53	2,42
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	72,73	2,94	11,6	17,77	2,98	12,37	5,33	5,37	5,87	5,16	3,34
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm gốm	35,8	-	-	-	-	-	-	-	-	12,91	22,89
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	8,9	0,79	0,55	0,89	0,93	1,46	0,36	1,77	1,07	0,44	0,64
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	15,44	1,02	-	13,5	-	-	-	-	0,12	-	0,8
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	1,32	-	0,02	-	-	-	-	-	1,3	-	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.063,39	21,75	55,89	59,59	128,95	172,48	34,12	180,9	138,45	116,92	154,34
2.25	Đất mặt nước chuyên dùng	491,39	-	53,36	55,67	31,18	110,69	101,9	98,12	24,72	1,44	14,32
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	310,53	-	-	-	-	3,47	-	0,26	271,6	-	-
3	Đất chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Đất khu công nghệ cao (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Đất khu kinh tế (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Đất đô thị (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Bảng 02. Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2020 của huyện Phú Riềng
(Kèm theo Quyết định số 2649/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (xã)									
				Bình Sơn	Bình Tân	Bù Nho	Long Bình	Long Hà	Long Hưng	Long Tân	Phú Riềng	Phú Trung	Phước Tân
1	Đất nông nghiệp	NNP	604,55	31,78	12,67	151,74	2,03	0,04	4,43	71,39	323,31	7,1	0,08
1.1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	600,51	31,78	12,67	147,7	2,03	0,04	4,43	71,39	323,31	7,1	0,08
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4,04	-	-	4,04	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	26,94	9,5	-	4,16	-	-	13	-	0,28	-	-
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	25,67	9,5	-	3,27	-	-	12,9	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,17	-	-	0,89	-	-	-	-	0,28	-	-
2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,1	-	-	-	-	-	0,1	-	-	-	-
	Tổng		631,49	41,28	12,67	155,9	2,03	0,04	17,43	71,39	323,59	7,1	0,08



Bảng 03 Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 của huyện Phú Riềng
 Kèm theo Quyết định số 2649 /QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (xã)									
			Binh Sơn	Binh Tân	Bù Nho	Long Bình	Long Hà	Long Hưng	Long Tân	Phú Riềng	Phú Trung	Phước Tân
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	907,91	35,91	37,95	335,99	7,58	19,45	22,53	83,56	331,77	10,36	22,81
	<i>Trong đó:</i>	-										
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	5,97	-	-	-	-	-	5,97	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây lâu năm	894,15	35,91	37,95	328,2	7,58	19,45	16,57	83,56	331,77	10,36	22,81
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	7,79	-	-	7,79	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	133,66	-	-	-	-	104,22	-	29,44	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>											
2.1	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	133,66	-	-	-	-	104,22	-	29,44	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	1,28	0,1	-	1,07	-	-	-	-	0,12	-	-
	Tổng	1.042,85	36,01	37,95	337,06	7,58	123,67	22,53	113	331,89	10,36	22,81